Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8701.94

Mã HS	8701.94
Mô tả hàng hóa	Xe kéo (trừ xe kéo thuộc nhóm 87.09) / - Loại khác, có công suất máy: / - - Trên 75 kW nhưng không quá 130 kW:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 16:04:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/870194/

2 dòng thuế thuộc 8701.94

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8701.94.10	Xe kéo (trừ xe kéo thuộc nhóm 87.09) / - Loại khác, có công suất máy: / - - Trên 75 kW nhưng không quá 130 kW: / - - - Máy kéo nông nghiệp	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8701.94.90	Xe kéo (trừ xe kéo thuộc nhóm 87.09) / - Loại khác, có công suất máy: / - - Trên 75 kW nhưng không quá 130 kW: / - - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.